

-----*-----
Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Hơn.

2. Ông Phan Thanh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.*

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 437/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bùi Thị Ngọc T**, sinh năm 197* (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TN2, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 197* (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN2, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Ngọc T trình bày:* Chị và anh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh H thường hay uống rượu chửi, đánh chị và đập phá đồ đạc trong nhà do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Đến năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh H không thay đổi tính tình, vẫn chửi, xúc phạm chị và gia đình chị. Vợ chồng ly thân khoảng nửa năm nay, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu; Về tài sản chung: Không yêu cầu; Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 23/7/2001 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H do anh H hay uống rượu chửi, xúc phạm đến chị và gia đình chị, đập phá đồ đạc trong nhà, vợ chồng chung sống nhưng không tin tưởng nhau. Vợ chồng ly thân khoảng nửa năm nay, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Hơn nữa, từ khi chị T xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh H muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu; Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc T.

+ Chị Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028227 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng anh H vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:*

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An